

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1- GIA LAI Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc
TỈNH GIA LAI

Bản án số:33/2025/KDTM-ST

Ngày: 24-9-2025

*“V/v: “Tranh chấp Hợp
đồng xây dựng và hợp
đồng mua bán tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thân Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hoà;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 48 /2025/TLST - KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2025, về việc tranh chấp “Hợp đồng xây dựng và hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:102 /2025/QĐXXST-KDTM, ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C1**

Địa chỉ: Lô B, Cụm C, P. N, TP ., tỉnh Bình Định (cũ) nay là phường Q, tỉnh Gia Lai

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sĩ Đ - Chức vụ: CT HĐQT.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961

Địa chỉ: E Đô Đốc L, KP T, TT. T, huyện T, tỉnh Bình Định(cũ) nay là 59 Đô Đốc L, xã T, tỉnh Gia Lai.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/6/2025)

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần X.**

Địa chỉ: số A Đ, P. T, TP ., tỉnh Bình Định (cũ) nay là số A Đ, phường Q, tỉnh Gia Lai

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh S, Chức vụ: CT HĐQT và ông Nguyễn Tiến D, Chức vụ: TGD.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đức T1, chức vụ: P. TGD

Địa chỉ: A Đ, P. T, TP ., tỉnh Bình Định (cũ) nay là số A Đ, phường Q, tỉnh Gia Lai

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 03/7/2025)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T2 trình bày:** Xuất phát từ quan hệ sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần C1 có ký kết các hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần X cụ thể của từng Hợp đồng như sau:

1. Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM “Cung cấp khung nhà A7 (SQC) dài 125 m x 40 m” ký ngày 14 tháng 12 năm 2015, tổng giá trị hợp đồng 1.870.000.000 đồng (bao gồm thuế VAT 10%), thời gian thực hiện hợp đồng là 30 ngày *(tức là đến ngày 14/01/2016)*; Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B thành 02 đợt: Đợt 01 tạm ứng 1.550.000.000 đồng, trong vòng 03 ngày sau khi ký hợp đồng *(Tức là ngày 17/12/2015)*; Đợt 02 thanh toán hết số tiền còn lại trong vòng 03 ngày sau khi bên B hoàn thành công việc tháo dỡ, vận chuyển và bàn giao *(Tức là ngày 17/01/2016)*, nếu chậm trễ thì bị phạt tiền 0,5% giá trị hợp đồng, thanh toán chậm của đợt đó/3 ngày thanh toán chậm nhưng không quá 05% giá trị hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty Cổ phần X tạm ứng cho Công ty Cổ phần C1 1.550.000.000 đồng vào ngày 14/12/2015, sau khi ký hợp đồng và nhận tiền tạm ứng, Công ty Cổ phần C1 đã thực hiện hoàn thành công việc theo hợp đồng; Ngày 01/02/2016 Công ty Cổ phần C1 xuất hóa đơn 1.870.000.000 đồng; Ngày 02/02/2016 Công ty Cổ phần X thanh toán thêm 150.000.000 đồng rồi không thanh toán nữa . Như vậy Công ty Cổ phần X thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 hai lần là 1.700.000.000 đồng. Ngày 30/11/2023 hai bên đối chiếu công nợ lần cuối cùng Công ty Cổ phần X còn nợ 170.000.000 đồng chưa thanh toán.

Nay Công ty Cổ phần C1 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X thanh toán số tiền còn nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng, tạm tính từ ngày 01/02/2016 là ngày xuất hoá đơn đến khi toà xét xong vụ án *(24/9/2025)*.

2. Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT- CEM về việc "Xây dựng nhà kho khẩu độ (40 x 78,6)m” ký ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp đồng 2.732.756.128 đồng (bao gồm thuế VAT 10%), thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 55 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao mặt bằng, phương thức thanh toán được chia làm 02 đợt như sau: Đợt 01 thanh toán 50% giá trị hợp đồng là 1.330.000.000đồng sau khi

công trình hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng (là 25/01/2016) ; Đợt 02 thanh toán giá trị còn lại là 1.330.000.000 đồng sau 12 tháng kèm theo lãi suất 8%/năm (25/01/2017), nếu việc thanh toán trên 12 tháng sẽ tính lãi suất 1%/tháng nhưng không quá 6 tháng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty Cổ phần C1 đã hoàn thành công việc đúng theo hợp đồng nhưng Công ty Cổ phần X không chịu thanh toán; Ngày 01/9/2016 Công ty Cổ phần C1 xuất hóa đơn 2.732.756.128 đồng; Đến ngày 23/01/2017 Công ty Cổ phần X thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 300.000.000 đồng, ngày 23/10/2017 Công ty Cổ phần X thanh toán 300.000.000 đồng nữa, tổng cộng đã thanh toán 600.000.000 đồng. Đến ngày 30/11/2023 là ngày hai bên đối chiếu công nợ lần cuối cùng, Công ty Cổ phần X còn nợ Công ty Cổ phần C1 2.132.756.128 đồng chưa trả.

Nay Công ty Cổ phần C1 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X thanh toán số tiền còn nợ gốc là 2.132.756.128 đồng và tiền lãi 1%/tháng, tạm tính từ ngày 01/9/2016 là ngày xuất hoá đơn đến khi toà xét xong vụ án (24/9/2025).

3. Hợp đồng kinh tế số: 30/HĐKT- CEM về việc: "Xây dựng nhà kho khẩu độ: (40x24)m x 2" ký ngày 01 tháng 6 năm 2016, giá trị hợp đồng là 2.382.617.000 đồng (bao gồm thuế VAT 10%), thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 55 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao mặt bằng, phương thức thanh toán được chia làm 02 đợt như sau: Đợt 01 thanh toán 50% giá trị hợp đồng là 1.191.308.500 đồng sau khi công trình hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng (25/7/2016); Đợt 02 thanh toán giá trị còn lại là 1.191.308.500 đồng sau 12 tháng (là ngày 25/7/2017) kèm theo lãi suất 8%/năm, nếu việc thanh toán trên 12 tháng sẽ tính lãi suất 1%/tháng nhưng không quá 6 tháng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty Cổ phần C1 đã hoàn thành công việc đúng theo hợp đồng nhưng Công ty Cổ phần X không thanh toán đúng theo hợp đồng; Ngày 16/3/2017 Công ty Cổ phần C1 xuất hóa đơn 2.427.218.709 đồng, đến ngày 31/12/2019 hai bên thống nhất trừ vào nợ thuê kho Nhơn Hòa 372.400.000 đồng, còn nợ 2.054.818.709 đồng. Tính đến ngày 30/11/2023 là ngày hai bên đối chiếu công nợ lần cuối cùng, Công ty Cổ phần X còn nợ Công ty Cổ phần C1 2.054.818.709 đồng.

Nay Công ty Cổ phần C1 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X thanh toán số tiền còn nợ gốc là 2.054.818.709 đồng và tiền lãi 1%/tháng, tạm tính từ ngày 31/12/2019 là ngày hai bên thống nhất khấu trừ công nợ thuê kho đến khi toà xét xong vụ án (24/9/2025).

Như vậy, Công ty Cổ phần C1 yêu cầu Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 tiền gốc của 03 hợp đồng nêu trên, tổng cộng tiền gốc là 4.357.574.837 đồng và tiền lãi 1%/tháng tạm tính theo thời gian và số tiền của

từng hợp đồng nêu trên đến ngày 24/9/2025 và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25/9/2024 cho khi trả hết nợ.

Tại bản khai ngày 21/7/2025 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Lê Đức T1 trình bày: Cuối 2015, đầu năm 2016 Công ty CP X có ký hợp đồng với C - CP cơ điện và xây lắp C1 để mua Khung Kèo nhà kho và xây lắp 02 nhà kho; cụ thể:

Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM ngày 14/12/2015 để mua Khung nhà A7, khẩu độ 40m x 125m;

Hợp đồng kinh tế số: 19/2015/HĐKT-CEM ngày 31/12/2015 để xây dựng nhà kho, khẩu độ 40m x 78,6m;

Hợp đồng kinh tế số: 30/2015/HĐKT-CEM ngày 01/6/2015 để xây dựng nhà kho, khẩu độ 40m x 78,6m.

Công ty CP C1 đã giao hàng hóa là Khung nhà A7, khẩu độ 40m x 125m và thi công xây lắp hoàn thành, bàn giao công trình 02 Nhà kho cho Công ty CP X như hợp đồng giao thầu.

Công ty CP X cũng đã thực hiện thanh toán cho Công ty CP C1 theo tiến độ của từng hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình thanh toán cho các hợp đồng mua bán, hợp đồng xây dựng nói trên, về phía Công ty CP X gặp tình hình khó khăn về tài chính và phát sinh nợ với Công ty CP C1.

Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ thì đến thời điểm ngày 30/11/2023, Công ty CP X còn nợ Công ty CP C1 tổng cộng số tiền là: 4.357.574.837 đ (Bốn tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn, tám trăm ba bảy đồng chẵn).

Về phía Công ty CP X gặp khó khăn về tài chính, trong đó có khoản nợ với Công ty CP C1 số tiền là: 4.357.574.837 đ đến nay chưa trả được.

Nay Công ty Cổ phần X thống nhất còn nợ Công ty C1 4.357.574.837 đồng tiền gốc còn tiền lãi chưa có ý kiến. Công ty X hẹn đến ngày 15/9/2025 Hội đồng quản trị Công ty X sẽ gặp trực tiếp Lãnh đạo Công ty C1 bàn về kế hoạch, phương án trả nợ cho Công ty C1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1 – Gia Lai phát biểu việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1; Buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần C1 tiền gốc và tiền lãi 1%/tháng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có mặt; Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo các Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM, ngày 14 tháng 12 năm 2015; Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT-CEM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng kinh tế số: 30/HĐKT-CEM, ngày 01 tháng 6 năm 2016. Do đó xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền”; Bị đơn có địa chỉ tại: A Đ, P. T, TP ., tỉnh Bình Định(cũ), nay là phường Q, tỉnh Gia Lai nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Công ty Cổ phần C1 yêu cầu Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo các Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM, ngày 14 tháng 12 năm 2015; Hợp đồng kinh tế số: 19/HĐKT-CEM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng kinh tế số: 30/HĐKT-CEM, ngày 01 tháng 6 năm 2016, tổng cộng tiền gốc là 4.357.574.837 đồng và tiền lãi 1%/tháng, tạm tính theo số tiền và thời gian của từng hợp đồng đến ngày 24/9/2025 và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25/9/2024 cho khi trả hết nợ. Xét thấy:

- Ngày 14 tháng 12 năm 2015 Công ty Cổ phần C1 và Công ty Cổ phần X ký kết Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM “Cung cấp khung nhà A7 (SQC) dài 125 m x 40 m”, tổng giá trị hợp đồng 1.870.000.000 đồng (bao gồm thuế VAT 10%), thời gian thực hiện hợp đồng là 30 ngày (*tức là ngày 14/01/2016*); Phương thức thanh

toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B thành 02 đợt: Đợt 01 tạm ứng 1.550.000.000 đồng, trong vòng 03 ngày sau khi ký hợp đồng (*Tức là ngày 17/12/2015*); Đợt 02 thanh toán hết số tiền còn lại trong vòng 03 ngày sau khi bên B hoàn thành công việc tháo dỡ, vận chuyển và bàn giao (*Tức là ngày 17/01/2016*), nếu chậm trễ thì bị phạt tiền 0,5% giá trị hợp đồng, thanh toán chậm của đợt đó/3 ngày thanh toán chậm nhưng không quá 05% giá trị hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty Cổ phần X tạm ứng cho Công ty Cổ phần C1 1.550.000.000 đồng vào ngày 14/12/2015, Công ty Cổ phần C1 đã thực hiện hoàn thành công việc theo hợp đồng; Ngày 01/02/2016 Công ty Cổ phần C1 xuất hóa đơn 1.870.000.000 đồng; Ngày 02/02/2016 Công ty Cổ phần X thanh toán 150.000.000 đồng rồi không thanh toán nữa. Tính đến ngày 30/11/2023 là ngày hai bên đối chiếu công nợ lần cuối cùng, Công ty Cổ phần X thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 1.700.000.000 đồng, còn nợ 170.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Như vậy Công ty Cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần C1 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gốc 170.000.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận .

- Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty Cổ phần C1 và Công ty Cổ phần X ký kết Hợp đồng kinh tế số: 19/HĐKT- CEM về việc "Xây dựng nhà kho khẩu độ (40 x 78,6)m", giá trị hợp đồng 2.732.756.128 đồng (bao gồm thuế VAT 10%), thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 55 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao mặt bằng, phương thức thanh toán được chia làm 02 đợt như sau: Đợt 01 thanh toán 50% giá trị hợp đồng là 1.330.000.000 đồng sau khi công trình hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng (*25/01/2016*); Đợt 02 thanh toán giá trị còn lại là 1.330.000.000 đồng sau 12 tháng kèm theo lãi suất 8%/năm, nếu việc thanh toán trên 12 tháng sẽ tính lãi suất 1%/tháng nhưng không quá 6 tháng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty Cổ phần C1 đã hoàn thành công việc đúng theo hợp đồng nhưng Công ty Cổ phần X không chịu thanh toán; Ngày 01/9/2016 Công ty Cổ phần C1 xuất hóa đơn 2.732.756.128 đồng; Đến ngày 23/01/2017 Công ty Cổ phần X thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 300.000.000 đồng, ngày 23/10/2017 Công ty Cổ phần X thanh toán 300.000.000 đồng nữa, tổng cộng đã thanh toán 600.000.000 đồng. Đến ngày 30/11/2023 là ngày hai bên đối chiếu công nợ lần cuối cùng, Công ty Cổ phần X còn nợ Công ty Cổ phần C1 2.132.756.128 đồng đến nay chưa thanh toán. Như vậy Công ty Cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần C1 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gốc 2.132.756.128 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận .

- Ngày 01 tháng 6 năm 2016 Công ty Cổ phần C1 và Công ty Cổ phần X ký kết Hợp đồng kinh tế số: 30/HĐKT- CEM về việc: "Xây dựng nhà kho khẩu độ: (40x24)m x 2" ký, giá trị hợp đồng là 2.382.617.000 đồng (bao gồm thuế VAT 10%), thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 55 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bàn giao mặt bằng, phương thức thanh toán được chia làm 02 đợt như sau: Đợt 01 thanh toán 50% giá trị hợp đồng là 1.191.308.500 đồng sau khi công trình hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng (25/7/2016); Đợt 02 thanh toán giá trị còn lại là 1.191.308.500 đồng sau 12 tháng kèm theo lãi suất 8%/năm, nếu việc thanh toán trên 12 tháng sẽ tính lãi suất 1%/tháng nhưng không quá 6 tháng.

Sau khi ký hợp đồng Công ty Cổ phần C1 đã hoàn thành công việc đúng theo hợp đồng nhưng Công ty Cổ phần X không thanh toán đúng theo hợp đồng; Ngày 16/3/2017 Công ty Cổ phần C1 xuất hóa đơn 2.427.218.709 đồng, đến ngày 31/12/2019 hai bên thống nhất trừ vào nợ thuê kho Nhơn Hòa 372.400.000 đồng, còn nợ 2.054.818.709 đồng. Ngày 30/11/2023 là ngày hai bên đối chiếu công nợ lần cuối cùng, Công ty Cổ phần X còn nợ Công ty Cổ phần C1 2.054.818.709 đồng đến nay chưa thanh toán. Như vậy Công ty Cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần C1 yêu cầu buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gốc 2.054.818.709 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận .

Như vậy buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 tổng số tiền gốc của ba hợp đồng trên là 4.357.574.837 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi 1%/tháng, thời gian và số tiền theo từng hợp đồng đến khi toà xét xong vụ án (24/9/2025). Xét thấy: Khi hai bên ký kết các Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM "Cung cấp khung nhà A7 (SQC) dài 125 m x 40 m" ký ngày 14 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng kinh tế số 19/HĐKT- CEM về việc "Xây dựng nhà kho khẩu độ (40 x 78,6)m" ký ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng kinh tế số:30/HĐKT- CEM về việc: "Xây dựng nhà kho khẩu độ: (40x24)m x 2" ký ngày 01 tháng 6 năm 2016 các bên có thoả thuận lãi suất nhưng việc thoả thuận này không rõ ràng về thời gian nên tiền lãi chậm được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, theo điều 306 Luật thương mại. Theo biên bản xác minh lãi suất nợ quá hạn trung bình trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tại thời điểm hiện nay là $10,46\% / \text{năm} \times 150\% = 15,7\% / \text{năm}$ (tức là 1,3%/tháng) nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả 1%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng tại thời điểm hiện nay, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX có cơ sở chấp

nhận. Như vậy tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo thời gian của từng hợp đồng cụ thể như sau:

Đối với tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số: 42/2015/HĐKT-CEM, ngày 14 tháng 12 năm 2015 được tính: Từ ngày 01/02/2016 là ngày xuất hoá đơn đến ngày 24/9/2025 là 115 tháng 23 ngày $\times 1\%/tháng \times 170.000.000 \text{ đồng} = 196.803.333 \text{ đồng tiền lãi}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 366.803.333 đồng, trong đó: 170.000.000 đồng tiền gốc và 196.803.333 đồng tiền lãi.

Đối với tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số: 19/HĐKT-CEM Ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính: Từ ngày 01/9/2016 là ngày xuất hoá đơn đến ngày 24/9/2025 là 108 tháng 23 ngày $\times 1\%/tháng \times 2.132.756.128 \text{ đồng} = 2.319.727.748 \text{ đồng tiền lãi}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 4.452.483.876 đồng, trong đó: 2.132.756.128 đồng tiền gốc và 2.319.727.748 đồng tiền lãi.

Đối với tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số: 30/HĐKT-CEM Ngày 01 tháng 6 năm 2016 được tính: Từ ngày 31/12/2019 là ngày hai bên khấu trừ nợ đến ngày 24/9/2025 là 68 tháng 24 ngày $\times 1\%/tháng \times 2.054.818.709 \text{ đồng} = 1.413.715.271 \text{ đồng tiền lãi}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 3.468.533.980 đồng, trong đó 2.054.818.709 đồng tiền gốc và 1.413.715.271 đồng tiền lãi.

Như vậy buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 tổng cộng số tiền **8.287.821.189 đồng** (*Tám tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm hai mươi một nghìn một trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: 4.357.574.837 đồng (*Bốn tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*) tiền gốc và 3.930.246.352 đồng (*Ba tỷ chín trăm ba chục triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi hai đồng*) tiền lãi.

Tại bản khai ngày 21/7/2025 đại diện Công ty Cổ phần X thống nhất còn nợ Công ty Cổ phần C1 4.357.574.837 đồng tiền gốc còn tiền lãi chưa có ý kiến. Công ty X hẹn đến ngày 15/9/2025 Hội đồng quản trị Công ty X sẽ gặp trực tiếp Lãnh đạo Công ty Cổ phần C1 bàn về kế hoạch, phương án trả nợ cho Công ty Cổ phần C1; Ý kiến và yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 tổng cộng là **8.287.821.189 đồng** nên Công ty Cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Công ty Cổ phần C1 được Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu nòng khụng phải chịu ỏn phớ. H lại cho Công ty Cổ phần C1 số tiền tạm ứng ỏn phớ đó nộp.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, Điều 227, 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 280, 353 của Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần C1 tổng cộng số tiền **8.287.821.189** đồng (*Tám tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm hai mươi một nghìn một trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: 4.357.574.837 đồng (*Bốn tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng*) tiền gốc và 3.930.246.352 đồng (*Ba tỷ chín trăm ba chục triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi hai đồng*) tiền lãi.

1.2. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) **hoặc kể từ ngày có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về ỏn phớ kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Buộc Công ty Cổ phần X phải chịu ỏn phớ kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của phỏp luật là 116.287.821 đồng (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi một đồng*);

2.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần C1 57.712.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số: 0001876, ngày 24/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (cũ), nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu Vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần C1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty Cổ phần X có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh GL;
- VKSND KV1 - GL;
- Phòng THADS KV1 - GL;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thân Trọng Hiền

